

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Trần Thị Trúc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Đức L, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1961; ĐKKHKT: Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại Đội 4, phân trại số 1, trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Bùi Đức L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Hồng N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận L, thành

phố Hải Phòng vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông về sinh sống tại Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau. Năm 2016 bà Phạm Hồng N vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử mức án chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Hiện nay bà Phạm Hồng N đang chấp hành án tại Đội 4, phân trại số 1, trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục đoàn tụ được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Hồng N.

- Về con chung: Ông và bà Phạm Hồng N có hai con chung tên là Bùi Đức P, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1992 và Bùi Đức Đ, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1998. Ly hôn, các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17 tháng 7 năm 2024, bị đơn bà Phạm Hồng N trình bày:

Bà và ông Bùi Đức L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận L, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà về sinh sống tại Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Năm 2016 bà vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và hiện bà đang chấp hành án tại Đội 4, phân trại số 1, trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nay ông Bùi Đức L có đơn xin ly hôn với bà, bà không chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông Bùi Đức L có hai con chung là Bùi Đức P, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1992 và Bùi Đức Đ, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1998. Ly hôn, các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Bùi Đức L không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức L được ly hôn bà Phạm Hồng N.

Về con chung: Ông Bùi Đức L và bà Phạm Hồng N có hai con chung là Bùi Đức P, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1992 và Bùi Đức Đ, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1998. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Đức L.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn là bà Phạm Hồng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Đức L và bị đơn bà Phạm Hồng N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Đức L và bà Phạm Hồng N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Đức L và bà Phạm Hồng N là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng ông L và bà N hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống và không còn tin tưởng nhau, dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra va chạm. Năm 2016 bà Phạm Hồng N vi phạm pháp luật bị Tòa án xử

chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và hiện bà Phạm Hồng N đang chấp hành án tại Đội 4, phân trại số 1, trại giam X, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông L và bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đức L xin ly hôn với bà Phạm Hồng N.

[5]. Về con chung: Ông Bùi Đức L và bà Phạm Hồng N có hai con chung là Bùi Đức P, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1992 và Bùi Đức Đ, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1998. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Ông Bùi Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Phạm Hồng N có quan điểm bà và ông Bùi Đức L không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Ông Bùi Đức L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức L được ly hôn bà Phạm Hồng N.
2. Về con chung: Ông Bùi Đức L và bà Phạm Hồng N có hai con chung là Bùi Đức P, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1992 và Bùi Đức Đ, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1998. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Đức L.
5. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Đức L và bà Phạm Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường C, quận L, thành phố Hải Phòng,
- (ĐKKH số 40 đk ngày 09/7/2002);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà